

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2177/2006/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 31 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1, Quyết định số 2845/2002/QĐ-UB ngày 05 tháng 9 năm 2002 của ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về một số chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài và cán bộ thể dục - thể thao

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 2845/2002/QĐ-UB ngày 05 tháng 9 năm 2002 của ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về một số chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài và cán bộ thể dục - thể thao;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thể dục - Thể thao (Tờ trình số 72/TTr-TDĐT ngày 17 tháng 3 năm 2006),

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1, Quyết định số 2845/2002/QĐ-UB ngày 05 tháng 9 năm 2002 của ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về một số chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài và cán bộ thể dục - thể thao như sau:

“Điều 1. Chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập luyện, đào tạo tập trung; tập huấn và tham gia thi đấu các giải thể thao:

1. Chế độ đối với vận động viên.

a) Trong thời gian tập luyện, đào tạo tập trung:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Đối tượng được hưởng	Tổng số tiền 1 người/1 ngày	Trong đó		
			Tiền ăn	Tiền công	Nước uống, thuốc phòng
1	Đội tuyển tỉnh	45.000	30.000	10.000	5.000
2	Đội trẻ năng khiếu tỉnh	30.000	20.000	5.000	5.000
3	Đội tuyển cấp huyện	25.000	20.000		5.000
4	Đội trẻ năng khiếu cấp huyện	15.000	15.000		

b) Trong thời gian tập huấn và tham gia thi đấu các giải thể thao:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Đối tượng được hưởng	Tổng số tiền 1 người/1 ngày	Trong đó		
			Tiền ăn	Tiền công	Nước uống, thuốc phòng
1	Đội tuyển tỉnh tập huấn và tham gia giải vô địch toàn quốc	65.000	35.000	20.000	10.000
2	Đội trẻ tỉnh, đội tuyển tỉnh tập huấn và tham gia giải thể thao quần chúng	50.000	35.000	10.000	5.000
3	Đội tuyển cấp huyện	25.000	20.000		5.000
4	Đội trẻ năng khiếu cấp huyện	20.000	15.000		5.000

Ghi chú: Thời gian tập huấn tối đa không quá 03 tháng đối với đội tuyển cấp huyện và 06 tháng đối với đội tuyển tỉnh; đối tượng thiếu niên, nhi đồng trong thời gian tập luyện, thi đấu không áp dụng chế độ tiền công nêu trên.

c) Vận động viên không thuộc tỉnh quản lý nhưng được ký hợp đồng để thi đấu cho tỉnh tại các giải thể thao do Trung ương tổ chức thì được hưởng chế độ theo thỏa thuận với cơ quan ký hợp đồng. Mức chi chế độ tối đa không quá 02 lần chế độ vận động viên đội tuyển tỉnh được hưởng trong thời gian tập huấn và thi đấu giải. Trường hợp đặc biệt, cần chi chế độ cao hơn thì Sở Thể dục - Thể thao trình ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Chế độ đối với huấn luyện viên trong thời gian huấn luyện vận động viên tập luyện, đào tạo tập trung, tập huấn và tham gia các giải thể thao.

a) Huấn luyện viên trực tiếp quản lý, huấn luyện đội tuyển cấp huyện và tỉnh được hưởng các chế độ: tiền ăn, thuốc phòng, nước uống (trừ tiền công) như vận động viên cùng cấp theo thời gian huấn luyện thực tế.

b) Huấn luyện viên không thuộc tỉnh quản lý nhưng được ký hợp đồng để huấn luyện cho vận động viên của tỉnh trong thời gian tập huấn và thi đấu các giải thể thao do Trung ương tổ chức thì được hưởng chế độ theo thỏa thuận với cơ quan ký hợp đồng. Mức chi chế độ tối đa không quá 02 lần chế độ huấn luyện viên đội tuyển tỉnh được hưởng. Trường hợp đặc biệt, cần chi chế độ cao hơn thì Sở Thể dục - Thể thao trình ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Ngoài các chế độ trên, trong thời gian tham gia tập huấn, thi đấu huấn luyện viên, vận động viên được hưởng chế độ tiền ở như sau:

a) Tập huấn, thi đấu ngoài tỉnh được hưởng chế độ tiền ở tối đa không quá 60.000 đồng/người/ngày.

b) Tập huấn, thi đấu trong tỉnh được hưởng chế độ tiền ở tối đa không quá 30.000 đồng/người/ngày.

c) Đào tạo tập trung được hưởng chế độ tiền ở tối đa không quá 20.000 đồng/người/ngày.

d) Trường hợp đặc biệt phải chi mức tiền ở cao hơn mức chi tại Điểm a và Điểm b, Khoản 3, Điều này, thì Sở Thể dục - Thể thao trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ban hành. Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Thể dục - Thể thao, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị căn cứ quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)